

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD3 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 1310173029-801 - T ch c qu n lĩ thi c ½ng H c km : HK01
c u L ãg

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010009	34CCD3	Võ Thái	An	06/11/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
2	3471010011	34CCD3	Nguy n ã c	Anh	29/12/1992				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
3	3471010019	34CCD4	L u Minh	B o	20/09/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
4	3471010022	34CCD4	Tr n Tĩ n	B o	15/10/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
5	3471010015	34CCD4	Ph m Th i	B ãg	13/04/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
6	3471010025	34CCD2	Lê Thiên	Bĩnh	20/07/1990				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
7	3471010026	34CCD3	Nguy n Thanh	Bĩnh	02/03/1991				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
8	3471010030	34CCD6	Ph m V ã	C nh	15/10/1991				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
9	3471010045	34CCD7	H V ã	Cu	00/00/1991				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
10	3471010047	34CCD5	Nguy n V ã	C	01/05/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
11	3471010033	34CCD6	Mai V ã	Chi n	06/07/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
12	3471010059	34CCD4	Lê Quang	Du n	20/11/1988				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3471010076	34CCD7	Nguy n V ã	ñ a	06/11/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
14	3471010077	34CCD3	Ph m	ñ ang	17/03/1992				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
15	3471010085	34CCD4	Ph m V ã	ñ t	30/07/1991				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
16	3471010086	34CCD3	Tr n T n	ñ t	01/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3471010088	34CCD4	Cao Thanh	ñ i n	16/05/1992				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
18	3471010090	34CCD3	Nguy n Kh c	ñ i p	14/02/1991				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
19	3471010092	34CCD3	Lê Phú	ñ ãg	23/06/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD3 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 1310173029-801 - T ch c qu n lĩ thi c ½ng H c km : HK01
c u L ã ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3471010105	34CCD4	Tr n Trung	ñ c	04/05/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3471010111	34CLC-CD	Nguy n ã c	H i	17/05/1992				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	N HP
22	3471010117	34CCD7	Ngô Trung	Hĩ u	28/05/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
23	3471010144	34CCD6	Lê Huy	Hùng	04/04/1991				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
24	3471010145	34CCD4	L² V ã	Hùng	10/09/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
25	3571011203	35CCĐ5	V½Th	Kh ã ng	07/03/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3471010178	34CCD7	Cao Thành	L p	06/11/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
27	3471010182	34CCD4	V H T u n Anh	Liêm	16/08/1992				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
28	3471010185	34CCD4	Phan Thúc	Linh	19/02/1991				6.0			6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
29	3471010189	34CCD7	L ã ng B o	Long	30/03/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
30	3471010190	34CCD4	Nguy n Anh	Long	25/03/1992				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
31	3471010201	34CCD3	ñ ã V ã	L i	05/01/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3471010199	34CCD3	Nguy n Minh	Luân	31/05/1992				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
33	3471010221	34CCD3	L² Tr ã ng	Nghĩ	01/06/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
34	3471010223	34CCD3	Võ Thanh	Nghĩ	03/02/1990				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
35	3471010251	34CCD7	Ph m H u	Phúc	16/07/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
36	3471010262	34CCD7	V½H Xuªn	Quang	12/03/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
37	3471010264	34CLC-CD	Nguy n Th Ć i	Quyên	16/07/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
38	3471010271	34CCD6	L² V ã L ĩ	S n	24/10/1991				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c :
H ấ T :

L p h c : 34CCD3
H c ph n : 1310173029-801 - T ch c qu n l ấ thi c ấ ng
c u L ấ ng

N ấ m h c : 2013-2014
H c km : HK01

ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG Ầ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3371010382	34CCD6	Nguy n Qu c	S n	18/03/1991				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
40	3471010280	34CCD7	V ½ T n	T ầ i	25/11/1991				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
41	3471010275	34CCD2	B ấ i V ấ	T ầ n	14/11/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3471010346	34CCD7	Tr n Tr ng	T	05/07/1991				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
43	3471010367	34CCD4	Tr nh Quang	Tu ầ n	27/09/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
44	3471010378	34CCD3	Ho ấ ng Nh t	Tu ầ ng	04/06/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	3471010381	34CCD4	V ồ Anh	Tu ầ ng	11/12/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
46	3471010384	34CCD7	Lê Kim Thành	Tú	22/02/1992				0.0			0.0	0.0	6.5	4.6	4.6	N HP
47	3471010385	34CCD6	Cao ấ nh	T	06/05/1988				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
48	3471010310	34CCD7	Nguy n Xu ấ n	Thi m	25/10/1992				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
49	3471010320	34CCD3	Ph m V ấ	Th ấ ch	03/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	3471010330	34CCD7	V ồ	Th nh	01/01/1992				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
51	3471010321	34CCD1	Hu ầ nh Ng c	Thu n	04/05/1991				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
52	3471010333	34CCD4	ấ o ấ Ch ấ	Th ng	04/04/1992				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
53	3471010353	34CCD4	V ½ T nh ấ c	Tr ng	26/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
54	3471010356	34CCD4	V ½ H u	Trung	04/07/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
55	3471010362	34CCD3	Nguy n Qu c	Tr ng	11/03/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
56	3471010396	34CCD4	Nguy n Ch	Vinh	25/10/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
57	3471010398	34CCD3	V ½ Thi n	Vinh	19/03/1990				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD3 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1310173029-801 - T ch c qu n lĩ thi c ầ ng H c km : HK01
c u L ầ ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3471010399	34CCD7	V ầ ng Quang Vinh	23/01/1992				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	

T ầ ng s : 58 h c sinh sinh v i² n
Tr ầ ng Khoa Gi o V i² n B M ầ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa